

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí
hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 202... của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày tháng.... năm 202... của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối tượng áp dụng

Người sử dụng đất trồng lúa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, bố trí sử dụng nhằm bù đắp diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Đồng thời, hỗ trợ các địa phương đầu tư sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ triển khai, nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Mức hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn; sử dụng giống lúa hợp pháp; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí chi hoạt động khuyến nông, tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho nông dân.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết trên địa bàn còn lại.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường.

5. Hỗ trợ không quá 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ, mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/01 giống.

Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Sử dụng không thấp hơn 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Xây dựng mô hình trình diễn; sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Phần kinh phí còn lại sau khi thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện các hoạt động sau: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phân bổ theo tỷ lệ diện tích đất trồng lúa của từng xã (*bao gồm: đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại, đất trồng lúa trong vùng quy hoạch sản xuất lúa năng suất, chất lượng cao*) trên tổng diện tích đất trồng lúa toàn tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa ..., kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.